

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **126/2021/DS-ST**  
Ngày 09 tháng 9 năm 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Minh Hiếu

Ông Thiều Hoàng Mới

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:**  
Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” thụ lý số 240/2021/TLST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2021/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

- Chị Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (anh T và chị L có mặt).

*Bị đơn:*

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1949

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (ông C và bà H có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Trong đơn khởi kiện ngày 25/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thùy L thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị H là chủ hội, vợ chồng anh T, chị L là hội viên tham gia các dây hội cụ thể như sau:

Dây 1: Hội mùa 5.000.000 đồng, mở vào tháng 7/2015 âm lịch, có 18 phần, anh T, chị L tham gia chung 01 phần, đóng hội sống được 16 lần, đến lần thứ 17 thì anh chị được lĩnh hội với số tiền được tính là 80.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại được nhận 77.500.000 đồng. Nhưng chủ hội chỉ giao được 36.700.000 đồng, còn nợ lại 40.800.000 đồng đến nay chưa giao. Dây hội này anh chị còn nợ chủ hội 01 lần hội chết số tiền là 5.000.000 đồng, anh chị đồng ý khấu trừ và yêu cầu chủ hội trả 35.800.000 đồng.

Dây 2: Hội mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 22/3/2015 âm lịch, có 16 phần, anh T, chị L tham gia chung 01 phần, đóng hội sống được 15 lần, đến lần thứ 16 thì anh chị được lĩnh hội số tiền 75.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại được nhận là 72.500.000 đồng nhưng đến nay chủ hội chưa giao tiền.

Dây 3: Hội mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2016 âm lịch, có 18 phần, anh T, chị L tham gia chung 01 phần, đóng hội sống được 13 lần, đến lần thứ 14 thì anh chị được lĩnh hội số tiền 65.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại được nhận là 62.500.000 đồng nhưng đến nay chủ hội chưa giao tiền. Dây hội này còn 04 lần chưa đến ngày mở hội.

Tổng số 03 dây hội chủ hội là ông C, bà H còn nợ vợ chồng anh T, chị L số tiền 170.800.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, anh T, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho anh chị số tiền hội còn nợ là 170.800.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T, chị L đồng ý khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng vào dây hội còn 04 lần chưa đến ngày mở (dây 3); yêu cầu khởi kiện còn lại là buộc bị đơn phải trả số tiền 150.800.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà H thừa nhận bà có làm chủ hội của 03 dây hội mùa nêu trên có sự tham gia của vợ chồng anh T, chị L. Trong 03 dây hội này, bà H thừa nhận còn nợ vợ chồng anh T, chị L số tiền 150.800.000 đồng và xác nhận toàn bộ nội dung trình bày của anh T, chị L là đúng. Bà H cho biết lý do bà còn nợ là vì các hội viên khác chưa nộp đủ tiền hội nên bà chưa giao được. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi vụ lúa là 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 150.800.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông C là chồng của bà H, ông không có trực tiếp cùng bà H làm chủ hội mặc dù ông có biết và có phụ giúp bà H, ông C xác nhận thu nhập từ việc tổ chức các dây hội của bà H được sử dụng chung trong gia đình, nên ông đồng ý theo ý kiến của bà H và cùng chịu trách nhiệm với bà H thanh toán nợ hội với các hội viên.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời

đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 150.800.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

[1] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hui giữa các bên đương sự thấy rằng cả ông C, bà H, anh T và chị L đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hui giữa ông C, bà H với vợ chồng anh T, chị L là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện giảm bớt số tiền 20.000.000 đồng, để bù khấu trừ vào dây hui còn 04 lần chưa đến ngày mở hui (dây 3), có sự đồng ý của bị đơn, xét thấy việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả khoản tiền hui được lĩnh nhưng chủ hui chưa giao là 150.800.000 đồng, đã được bị đơn bà H thừa nhận còn nợ đúng số tiền này, nên đây là tình tiết không phải chứng minh của nguyên đơn. Đối với bị đơn ông C tuy không thừa nhận có trực tiếp làm chủ hui cùng với vợ ông nhưng ông vẫn đồng ý cùng có trách nhiệm với bà H các khoản nợ liên quan đến hui do bà H làm chủ; mặt khác, về trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi thực hiện các giao dịch dân sự của hộ gia đình, thì vợ chồng phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi và nghĩa vụ, do đó, khi có căn cứ xác định nghĩa vụ của bà H đối với vợ chồng anh T, chị L thì cần buộc ông C (chồng của bà H) cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về lỗi: Bà H là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ khi làm chủ hui mà không giao đủ tiền cho hui viên khi lĩnh hui; chính việc vi phạm nghĩa vụ của bà H đã trực tiếp gây thiệt thòi đến quyền lợi của vợ chồng anh T, chị L, nên việc anh T, chị L khởi kiện là có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định vợ chồng ông C, bà H còn nợ anh T, chị L 150.800.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông C, bà H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho vợ chồng anh T, chị L số tiền này theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biếu, phượng.

[6] Đối với yêu cầu trả dân của bị đơn sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đối với người phải chịu án

phí thuộc trường hợp là người cao tuổi sẽ được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

[9] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ và các Điều 29, 30 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phườg;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thùy L số tiền 150.800.000 đồng (một trăm năm mươi triệu tám trăm nghìn đồng).**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

2.1. Ông Trần Văn C và bà Lê Thị H được miễn án phí số tiền 7.540.000 đồng (*bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

2.2. Anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thùy L không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí anh T, chị L đã nộp 4.270.000 đồng (*bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009979 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**